

CẶP BÁNH CHUNG.

Chiều chủ nhật 21/01/01 khoảng 5 giờ tôi nhận phone của An Phương, cô cho biết đang trên đường, cùng chồng đến thăm tôi. Hai mươi phút sau, An Phương gọi lại, nói lạc đường, xin tôi chỉ đường đến nhà tôi. Cuối cùng thì hai vợ chồng cũng đến nơi. Cô bước vào nhà, giới thiệu chồng cô, Tony, với tôi. Tony là người bản xứ, da trắng, dưới 50 tuổi, chững chạc, nổi bật với sợi dây chuyền có tượng Phật bằng ngọc thạch to hơn hai ngón tay và không nói được tiếng Việt. Sau khi yên vị, An Phương nói cùng chồng đến chúc tết thày cô và biếu thày cô cặp bánh chưng. Câu chuyện xoay quanh ngày tết, vì hôm nay là 27 tháng chạp, mà tháng thiếu, lấy làm 28 tết và chủ nhật tới đã là mừng 5 tết. Chúng tôi biếu lại vợ chồng An Phương hộp mứt sen và sau đó lì-xì hai vợ chồng hai phong bao đỏ. Chồng An Phương biết lì-xì, nhưng chỉ biết đó là dành cho trẻ con, không biết rằng mình có lì-xì, và không biết có những dạng lì-xì mở rộng trong giao dịch, thương mại. Tony biết xông đất, nhưng không biết phong tục đập đất. Tony biết thưởng thức trà sen và mứt sen, anh nhấm nháp từ tốn, thực thà. An Phương vui miệng nói chuyện về "cô sen": anh chồng quý sen nên thấy ai đẹp, dễ thương là gọi "cô sen", cho đến khi An Phương dịch chữ cô sen ra chữ "maid". Cô Sen lại khác cô Liên. Rồi chúng tôi nói chuyện về đạo Phật. Tony học đạo Phật với người Miến điện, người Nhật, Đại hàn, Trung quốc; anh phân biệt được đại thừa,

tiểu thừa. Tôi kể chuyện hồi còn bé tôi thường theo mẹ tôi hay người nhà đi chùa. Chùa có nhiều tượng Phật, tượng Phật nào cũng có diện mạo thật hiền từ, ngoại trừ ông Ac, trái với ông Thiện, ông Ac trông dữ dằn, tôi sợ lắm. Có vẻ như Tony không biết ông Thiện, ông Ac. An Phương cho biết ở nhà tại Alameda, anh có một phòng gần như thiền đường để tu tập. Đến đây tôi hiểu những điều An Phương đã kể về Tony, rất chăm về lễ lạy ở nhà cha mẹ An Phương mỗi khi giỗ, tết. Chuyện trò được một lúc thì An Phương xin cáo từ, để còn về thăm cha mẹ, anh chị em cũng ở San Jose. Khi chia tay An Phương và Tony nói sẽ trở lại thăm tôi để tiếp tục câu chuyện về cuộc sống, về Phật giáo.

Tiền vợ chồng An Phương ra về rồi, tôi lan man tưởng lại năm ngoái. Năm ngoái An Phương cũng đến thăm tôi vào dịp tết, nhưng không đi cùng chồng, mà cùng đi với người chị là Mai Phương, cũng biếu tôi cặp bánh chưng và giỏ hoa lan. Mai Phương không phải là học trò cũ của tôi, nhưng biết tôi lúc tôi dạy An Phương. Hai chị em ngồi nói chuyện thật là vui. Bao nhiêu là chuyện, chuyện thời đi học ở Vũng tàu, chuyện các thày cô, trường cũ. Lần đầu tiên gặp lại An Phương trên đất Mỹ tôi rất vui, An Phương là học trò giỏi quốc văn từ lớp đệ lục- năm học 1968-1969- hơn 30 năm qua rồi .

Khi đến Mỹ vào cuối năm 1989, tôi và gia đình phải thích nghi với cuộc sống mới, tôi phải vào nhà máy làm thợ lúc tuổi đời đã tri thiên mệnh, để ổn định gia đình, để các con đi học, ấy là con lớn của tôi cũng đã vừa đi làm, phụ giúp gia đình, vừa đi học. Suốt thời gian này tôi ít gặp người quen biết cũ, ngoại trừ hai người bạn học từ thời trung

học ở trường Chu văn An. Tám tháng sau khi dọn về nhà mới, tôi nhận được mấy cái thư do bưu điện chuyển lại từ địa chỉ cũ. Một trong mấy cái thư ấy có tên và địa chỉ người gửi là lạ đối với tôi, tên riêng thì viết tắt, còn họ thì họ tiếng Anh. Nhà tôi xem phong thư rồi đoán là của An Phương, chỉ đoán thôi vì tên riêng viết tắt, chỉ có họ là Doan, có thể là của An Phương, nhưng kể đó là họ Billings. Tôi mở thư ra xem, đúng là thư của An Phương. Bức thư dài hơn ba trang, viết trên giấy khổ lớn. Đọc thư hai, ba lần tôi bồi hồi cảm động. An Phương đã nhắc lại kỷ niệm thời học tôi ở Vũng tàu, thời học đại học ở Sài Gòn, thời ra trường, đi dạy học, thỉnh thoảng vẫn đến thăm chúng tôi ở Đakao. An Phương cho biết đã lập gia đình được gần tám năm, không có con. Cô cho số điện thoại của cô ở nhà, ở sở làm, cả địa chỉ e-mail. Gần cuối thư, cô viết: "Em xin dừng bút tại đây, và cầu Trời khẩn Phật cho thư này đến được tay thầy cô", "Dù có bận thế nào đi nữa, xin thầy gọi cho em hoặc viết vài dòng cho em biết tin, để em được đến thăm thầy cô như những ngày xưa...", "Nếu thư này mà bị trả về thì buồn quá, vì em sẽ không biết tìm thầy ở đâu".

Thế là tôi phone cho An Phương, nhưng không có ai nghe; sau hai ba lần gọi mà không ai nghe, tôi phải nhắn lại. Đâu đến 9 giờ rưỡi tối An Phương gọi tôi, cô nói mới đi về. Kể đó là hàn huyên sau hơn 10 năm bặt tin. Cô này vẫn nói giỏi, nói nhanh và đâu ra đấy; nhà tôi vẫn khen An Phương nói hay, nói nhanh như không cần suy nghĩ, tất cả đã có sẵn ở trong đầu. Nói chuyện một hồi rồi An Phương hỏi tôi:

- Em gọi thầy trẻ, nói chuyện thế này có phiền thầy không thầy?
- Không sao, đây là đặc biệt; tôi đang nghe cô nói rất vui.

Trở lại lần đầu tiên, năm ngoái, giáp tết Canh thìn, An Phương và chị đến thăm tôi. Cô nhắc lại thời đi học ở Vũng tàu với những bạn bè cùng lớp, như đàn gà con, như đàn chim nhỏ; rồi thời học đại học ở Sài Gòn, sau đó là đi dạy ở một trường trung học gần Sài Gòn. Sau 30/4/75 cô kể có gặp lại thầy cũ là TC Hoà dạy cùng trường, nhưng cô sợ không dám nói chuyện nhiều với thầy Hoà, vì thầy nghiêm quá và nhất là tan học, thầy ra cổng trường ngồi sửa xe đạp. Tôi biết TC Hoà thời dạy ở Vũng tàu, anh dạy Anh văn, tốt nghiệp ĐHSP ban Anh văn từ khoá 1. TC Hoà dạy học và viết văn, viết báo. Anh nghiêm chỉnh mà vui vẻ với đồng nghiệp. Tôi nhớ TC Hoà, đặc biệt lúc tôi mới đổi về dạy tại trung học Vũng tàu. Lúc này vợ con tôi còn ở Sài Gòn, nên thỉnh thoảng tôi lại về Sài Gòn, có khi tôi viết thư về và nhà tôi đôi lúc cũng viết thư ra thăm tôi. Tôi đổi về Vũng tàu vào giữa năm học 1968-1969, sau tết Mậu thân. Thuyên chuyển vào giữa năm học thế này ít xảy ra và có lẽ cũng vì vậy tôi phải dạy rải rác nhiều lớp, từ đệ nhất, đệ tam đến đệ tứ, đệ lục, lại rải rác nhiều ngày trong tuần. Tôi nhớ là xế chiều thứ bảy tôi còn phải dạy lớp đệ nhất A. Trường vắng lặng, nắng đã nhạt. Chính lúc ấy TC Hoà đứng ngoài cửa lớp tươi cười với tôi. Tôi bước ra, TC Hoà nói: "Toi có thư!". Nhận lá thư, tôi cảm ơn anh rồi bước vào lớp. Đây là thư của nhà tôi, tôi cũng muốn mở thư ra xem ngay, nhưng không được, còn lớp học của tôi. Thỉnh

thoảng tôi lại nhận được thư như vậy và với vẻ mặt tươi cười, cùng câu nói : "Toi có thư!", TC Hoà đã mở đầu cho khúc nhạc reo vui trong lòng tôi. Những bức thư ấy, một kiểu phong bì, một dáng chữ viết, đã từ bao lâu làm tôi ấm lòng. Trong dòng đời vốn đã ngán ngùi, lại đầy những súng đạn của chiến tranh, những bức thư này, không nhiều, nhưng đã cho tôi tin yêu, thấm thía tình nghĩa vợ con. Thế nên, nhận thư từ tay TC Hoà, tôi thấy yêu đời hơn và bài giảng như bốc lửa hơn. Tôi nhìn xuống lớp, nhìn vào mắt học trò, tôi thấy mắt học trò tôi như sáng lóng lánh, mới, rất mới. Dòng sinh lực trong tôi đang cuộn cuộn, rạt rào, và hồi chuông tan học như vang lên quá sớm. Thực ra, việc đưa thư là của chú tuỳ phái, nhưng cứ chiều thứ bảy là TC Hoà ghé trường lấy thư rồi đi ăn cơm. Khi thấy tôi có thư là TC Hoà vui vẻ cầm, đến đưa cho tôi ngay. Tôi cảm ơn TC Hoà và hy vọng anh biết được rằng nhờ anh mà lớp học của tôi sống động hơn nhiều.

Bằng chuyện kể, An Phương đang chiếu lại cho tôi xem một cuốn phim cũ, kỷ niệm của một thời dạy học. Tôi cảm ơn quà bánh của hai chị em An Phương và đặc biệt cảm ơn An Phương về những đoạn phim đầy thương yêu, tự hào. Trước khi ra về, An Phương nói là còn nhiều bộ phim cũ như vậy, sẽ lần lần "trình chiếu" cho tôi xem.

Chuyện trò với An Phương chúng tôi rất vui. An Phương biếu bánh chưng tết và hoa tôi rất cảm động, dù trong lòng, từ thời đi dạy, tôi vốn kỵ những quà biếu của học sinh. Tôi không quên đã phải nói khéo để không nhận đôi sandale mà Thiếu Sinh Quân ở Vũng tàu đã trân trọng trao tặng trước lớp. Nhưng đặc biệt vẫn là con cá chết

của NT Nghĩa. Nghĩa cũng học tôi ở lớp đệ lục trường trung học Vũng tàu, bố mẹ Nghĩa có tàu nhỏ đánh cá. Một hôm Nghĩa đến thăm tôi khi gia đình tôi còn ở thuê nhà bà giáo Viễn. Nghĩa bé xíu, mặc áo dài trắng đi học, tay xách cái giỏ. Tôi ra mở cổng, Nghĩa nói lí nhí và đưa ra cái giỏ:

- Thư thày, ba má em biếu thày con cá.
- Tôi cảm ơn ba má em, cảm ơn em, nhưng tôi ít ăn cá lắm, em mang về và nói dùm với ba má vậy nhé.
- Thôi, thày nhận dùm em đi thày.
- Tôi nói thật mà, tôi ít ăn cá lắm, em cứ mang về nói với ba má như vậy.

Đến đây, Nghĩa đứng im, hai giọt nước mắt lăn trên má. Tôi ngại quá, chưa biết nói sao. Lúc đó bà giáo Viễn đi ra cổng, thấy Nghĩa đứng khóc, bà hỏi tại sao, đầu đuôi câu chuyện. Nghe Nghĩa kể lại, bà giáo Viễn nhìn vào cái giỏ của Nghĩa rồi nói:

- Chà, con cá chết này thiệt tươi, lại làm sạch sẽ rồi.
- Con mang cá về là ba má con rầy la con... Nghĩa sụt sịt khóc.
- Phải đó, thôi cậu giáo sư nhận con cá cho nó dzui, nó dzia. Cha mẹ học trò như dzây là quý lắm đó cậu, đừng phụ lòng người ta, con cá đâu đáng nhiều, nhưng tấm lòng...

Cuối cùng tôi phải nhận con cá chết mà trong lòng không vui, vì nể bà giáo Viễn. Còn Nghĩa thì hơn hử, dù hai cánh mũi còn đỏ, phập phồng. Sau khi chào tôi và bà giáo Viễn để ra về, Nghĩa đi như chạy. Lúc vào nhà, bà giáo Viễn nói cho tôi nghe về tục kiêng cử của dân chài. Bà nói con cá mà người chài lưới bắt được, lại đã làm sạch

sẽ, rồi đem cho, mà ta từ chối, không nhận là điềm rất xấu cho họ, có thể ghe chài của họ bị lật. Tôi nghe bà giáo Viễn nói mà không biết thực hư ra sao, tôi quả là không biết sự cấm kỵ này. Nhưng trong lòng tôi, có ngọn sóng thương yêu dâng lên. Có thể bà giáo Viễn thương bé Nghĩa, như con gà con, mà nước mắt hai hàng nên đã nói vào để tôi phải nhận con cá, rồi còn nhấn mạnh với tục cấm kỵ của dân chài địa phương. Tôi lại nhớ đến ngày xưa, khi còn học tiểu học ở trường Nguyễn Du, Hà Nội. Vào dịp tết, học sinh trong lớp góp tiền để mua một lẵng mứt nhỏ, đem đến tết nhà thầy. Thầy cho cả bọn ngồi xuống và gọi người nhà rót nước cho uống, rồi thầy nói: "Thầy cảm ơn các anh!". Hồi đó thầy tôi đã già, tóc đã bạc, mặc áo dài trắng hay áo the đen đi dạy học, thầy đi giấy tây. Thường thầy gọi chúng tôi là "con", ít khi gọi là "anh", mà khi nào thầy nói "các anh" là chúng tôi sợ lắm, có một cái gì nghiêm trọng khác thường. Những kỷ niệm thời thơ ấu vẫn bập bênh ẩn hiện trong dòng đời tôi, ở quê nhà và nay ở quê người.

Trở lại cặp bánh chưng hồi năm ngoái của An Phương. Cô nói cô đặt bánh biếu thầy cô, nhưng cô không biết bánh thế nào, cô xin tôi cho nhận xét sau khi dùng. Trong một cuộc điện đàm về sau tôi đã cho cô biết là bánh gói khéo, ngon, còn mới. Đó cũng chính là nhận xét của nhà tôi, và năm nay nhà tôi đã mua một cặp bánh chưng hiệu ấy. Đối với một gia đình gốc miền bắc Việt nam, thì cặp bánh chưng ngày tết là cả một truyền thống. Hồi còn nhỏ ở quê nhà, ngoại thành Hà Nội, tôi chỉ ngồi xem mẹ tôi rồi các chị và anh tôi gói bánh chưng. Nhà tôi gói bánh chưng bằng lá dong, có dậm thêm ít lá chuối, có lạt

giang, nhưng không có khuôn. Đến khi luộc bánh chưng thì tôi thích lắm, vì lửa ấm, nhưng nhất là vì trông đợi cái bánh nhỏ cho "thằng em bé". Sau khi vớt bánh, còn phải ngả cánh cửa để nén bánh cho đều.

Sau di cư vào Saigon năm 1954, tôi đã lớn, học trung học rồi đại học. Tết đến, tôi đã cùng cả nhà gói bánh; vẫn có lá dong, lá chuối, lạt giang và vẫn không dùng khuôn. Bánh tôi gói có cái vuông vẫn đẹp, có cái méo mó, không ra tám góc. Tôi cũng dự phần trông bếp luộc bánh, nhưng không còn háo hức với cái bánh nhỏ nữa và việc nén bánh cho ráo cũng không dễ như xưa. Cuối năm 1964 tôi lập gia đình và tết năm đó nhà tôi cùng mẹ tôi gói bánh chưng, vẫn lá dong, thêm ít lá chuối với lạt giang và vẫn gói không khuôn. Tôi chỉ đóng vai chạy ngoài, giúp việc vặt, mà dường như lại thấy hạnh phúc hơn bao giờ! Đến khi ra ở riêng nhà tôi chỉ gói vài cặp bánh chưng, vì các con còn nhỏ và tôi cũng không thích bánh chưng lắm. Nhà tôi vẫn dùng lá dong, kèm ít lá chuối và lạt giang, chỉ khác là nhà tôi dùng khuôn, nên cái bánh trông vuông vẫn, đẹp mắt hơn. Về sau khi các con tôi đã lớn thì các cháu, đặc biệt là cháu lớn, giữ việc luộc bánh chưng, chúng tôi chỉ dọn dẹp, nén bánh sau khi vớt bánh. Cuối năm 1989 gia đình tôi được bảo lãnh sang Mỹ và cái tết đầu tiên trên đất Mỹ chúng tôi ở nhà ông anh nhà tôi, người bảo lãnh. Ông anh và chị dâu nhận đặt bánh chưng, nhà tôi gói phụ, không có lá dong, không có lạt giang, chỉ có lá chuối và giấy bạc cùng với giấy sợi rồi giấy nylon. Tôi nhớ số bánh đặt cỡ 40 cặp. Ông anh lo việc luộc bánh, tôi chỉ làm thợ phụ. Cuối cùng tính sổ khi đã giao bánh, tôi nghe nhà tôi nói được chia lời 100 đồng,

nhưng nhà tôi không cầm mà nói gửi người chị dâu. Ngoài ra, một chút góc bàn bếp bị cháy. Sau này khi ở riêng tại Milpitas rồi San Jose, nhà tôi chỉ gói 2, 3 cặp, còn mua thêm. Bánh gói vẫn có khuôn, nhưng không lá dong, không lạt giang, chỉ lá chuối buộc giây sợi. Bánh gói lấy vẫn ngon hơn bánh mua, phần vì mới, phần vì hợp khẩu vị, nhưng cũng có cái phiền là luộc bánh trong bếp thì nhà nhiều hơi nước quá, vì cửa đóng kín, còn luộc bánh ngoài sân thì phải che, chắn gió, lích kích lắm.

Nói về cặp bánh chưng của An Phương biểu ngày tết không phải chỉ là bánh ăn ngon mà còn là ngẫm nghĩ về một tình nghĩa cao đẹp trong sự tự hào. Tự hào về một đám học sinh nhỏ bé ngày nào nay đã trưởng thành, tung cánh muôn phương, còn cố công tìm lại ông thầy cũ. Vui với những kỷ niệm, nhưng tôi không khỏi xót xa khi nghe An Phương kể những ngày mới đến Mỹ, đi kiếm việc làm đèo đèo, mòn gót giày. Có lẽ hầu hết những người mới đến đất này đều phải trải qua tình huống như thế. Kinh nghiệm có thể giúp ta sống phong phú hơn và cảm thông hơn. Nay thì An Phương đã có cuộc sống "tương đối bình yên" công việc làm ổn định và đã mua được nhà.

Tôi chợt nghĩ đến lá "thư độc giả" của An Phương đăng trên Việt Mercury đầu tháng 1/2001. An Phương muốn trình bày đôi điều về một bài báo viết về một sĩ quan không quân của quân lực Việt Nam Cộng Hoà, nay được bay lại ở Mỹ với đồng lương cao 6 số. Người sĩ quan đã lấy một máy bay C-130 chở gia đình nội ngoại 52 người bay đi Singapore vào ngày 03/4/75 thay vì chở gạo tiếp tế cho một đơn vị ở Phan rang. "Điểm đau lòng" là viên sĩ quan không quân này bỏ đồng đội đang chiến đấu và

đang trông đợi anh tiếp tế lương thực, mà đào ngũ, chạy trốn cùng gia đình lại bằng chính phương tiện của quân đội. Cái căn cứ nào đó ở Phan rang cứ là mỗi mắt trông ngóng cánh chim hào hùng. Rồi thì cũng tan vỡ cả; nhưng bởi anh phi công này và những người như anh mà đội quân tan rã mau hơn. Anh đã góp phần kéo xụp cái chế độ đã nuôi anh, phong cho anh làm sĩ quan, làm người hùng một thời. Thành công ngày nay khó mà lấp liếm được tinh thần vô trách nhiệm khi trước. Càng được nói đến như tấm gương sáng thì lại càng nổi bật con người hèn nhát, ích kỷ. Những người như thế có lẽ tốt trong gia đình, nhưng vợ, con, nhất là khi con cái lớn lên, vợ con chắc phải xấu hổ, âm thầm nhận ra rằng chồng, cha đã sai trái, đã phạm tội đào ngũ, bỏ đói đồng đội đang chiến đấu. Những người lính còn chiến đấu như thế có quyền nguyên rửa những sĩ quan phi công như thế. Tất nhiên người ta lại bào chữa. Nào hãy nhìn cảnh di tản hoảng loạn ở miền trung, nào hãy nhìn các cấp trên, từ tổng thống đến tướng, tá... Đứng, nhưng ai có trách nhiệm của người ấy. Mức độ có khác nhau, nhưng tội trạng là tội trạng. Những người lính, những người dân thấp cổ, bé miệng, không được học hành, nhưng toà án lương tâm, toà án lịch sử vẫn soi xét, trả lại lẽ phải cho họ. Ngàn năm bia miệng.

Còn về phía tờ báo, Việt Mercury, chủ nhiệm là người Mỹ, nhưng chủ bút, tổng thư ký và người viết bài đều là người Việt. Người Mỹ chủ nhiệm chỉ lo business, họ đâu có hiểu cặn kẽ người Việt Nam, họ đâu có thấm thía thế nào là mất nước, họ không hiểu được tình cảnh của người lính còn đang chiến đấu và đang trông đợi được tiếp tế lương

thực từ viên sĩ quan phi công, đã cao bay xa chạy. Mà dù cho có biết được những điều đó, họ cũng lờ đi, để cho đám người Việt Nam làm việc, lại được tiếng lịch sự, chuyên nghiệp, miễn là business vẫn tốt. Người chủ bút, thấy mặt và thấy tên trên tờ báo, chắc cũng có học hành, nhưng là người Việt Nam thế nào và Việt Nam đến đâu thì khó mà biết. Dù sao, với danh xưng, chủ bút phải chịu trách nhiệm về nội dung bài viết của tờ báo. Còn ông tổng thư ký, ông NXH, ông này là nhà văn, gốc nhà giáo, lại dạy triết học. Không nhiều thì ít, ông đã từng dạy học trò về ý thức đạo đức. Tôi không biết phạm vi trách nhiệm và quyền hạn thực sự của ông ở tờ báo ấy đến đâu, nhưng tôi vẫn cảm thấy một cái gì ngang trái nơi bài báo, trong tờ báo mà ông làm tổng thư ký. Hay lại chép miệng nói rằng: "Thời hãy quên đi quá khứ!".

An Phương viết "với tư cách một người Việt, không thể nhắm mắt bỏ qua", "chỉ muốn nêu lên một điểm đau lòng cho cộng đồng người Việt tại Mỹ...". Cô không phê bình ai, cô chỉ ta thán cho cộng đồng người Việt. Tệ quá. Cũng còn đỡ là Việt Mercury cho đăng lá thư của cô. Cô có cái quyền của độc giả của tờ báo, "một tờ báo có uy tín". Lá thư độc giả của An Phương mặc nhiên không chỉ đặt vấn đề đối với viên phi công kia, cũng không chỉ đặt vấn đề đối với tờ báo, mà còn đặt vấn đề với độc giả của tờ báo, một phần khá lớn của cộng đồng người Việt. Riêng tôi, khi đọc bài báo "Đời phi công ở Mỹ" của ĐH đăng trên Việt Mercury ngày thứ sáu 08/12/2000, tôi cũng thấy bài báo có những thông tin tốt cho những ai muốn tìm hiểu về nghề phi công tại Mỹ, nhưng về khía cạnh người trung úy phi công "lấy một chiếc vận tải cơ C-130 ... chở đại gia

đình bay thẳng qua Singapore", "thay vì chở gạo tiếp tế cho một căn cứ ở Phan rang", khía cạnh này không ổn, dù rằng có nhiều người cho thế là khôn. Tuy nhiên, so với cựu tổng thống NVT rồi một mớ tướng tá hèn nhát, ích kỷ, thì viên trung úy phi công này, tội cũng là bậc trung. Bởi ra thì chỉ thêm hôi. Có điều viên phi công này lại được tờ báo nêu lên như vinh danh "mẫu người thành công". Thành ra, hình ảnh và chính lời kể của viên phi công có phản ứng ngược, làm "đau lòng cho cộng đồng người Việt tại Mỹ". Tôi đọc báo và nghĩ như vậy, nhưng không viết cho mục "thư độc giả" Cho đến khi tôi đọc thư độc giả của An Phương. Tôi thấy cô làm đúng và tờ báo cho đăng thư của cô cũng còn được. Suy nghĩ về mình, tôi thấy mình đã già, không còn sôi nổi như hồi còn trẻ, thấy sai trái "ngoài đường" đã bỏ qua. Bỏ qua, nhưng không nhắm mắt, chưa nhắm mắt. Sẽ nhắm mắt khi xuôi tay. Cuộc sống trong hơn 50 năm đã có quá nhiều biến cố, nhất là ở nửa cuối thế kỷ vừa qua, nên có những cái đã tặc lưỡi "Còn khối chuyện động trời, động đất!". Nhưng, phải nhận rằng nếu ai cũng vô trách nhiệm, bỏ đồng đội thì quân đội tan rã, xã hội sụp đổ, con người sống như cây cỏ, muông thú, chỉ theo bản năng sinh tồn, không còn giáp dục, giáo hoá gì nữa. Làm sao để vực dậy một xã hội với những con người như vậy?

Thế là đã hai năm liền ở đất Mỹ này An Phương tìm đến chúc tết và biếu tết chúng tôi, khi thì đi với chị, khi thì đi cùng chồng. Cặp bánh chưng mà An Phương biếu vuông vắn, tám góc rõ ràng, như biểu tượng cho ý thức đạo đức thẳng thắn, phân minh. Bánh mềm, nhân ngon nhắc đến tính nhân hậu, tính thiện của dân ta từ thời vua Hùng

dựng nước. Tôi cảm ơn em, cảm ơn em đã cho tôi được hưởng những hoa thơm, quả ngọt của nghề nghiệp, của cuộc đời. Cảm ơn em đã cho tôi được hưởng tấm tình nghĩa cao đẹp của con người, con người Việt Nam. Em đã gánh vác trách nhiệm, đã lên tiếng góp phần xây dựng cộng đồng. Đuốc tiếp sức đã sang tay thế hệ các em.

SJ 02/2001.